

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2017
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tất Kề.
2. Ông Ngô Chí Linh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Cao Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Đường O, tổ E, phường P, quận Q, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn R, xã S, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Xuân K, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT: Đường O, tổ E, phường P, quận Q, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng, thuộc Tổng cục VIII -Bộ Công an; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Lương Xuân K kết hôn từ tháng 01/2008, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường P, quận Q, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống, sinh hoạt và cách cư xử. Ngoài ra, vào tháng 5/2014 bản thân anh Lương Xuân K vi phạm pháp luật bị TAND thành phố Hải Phòng xử phạt về tội giết người và

đang chấp hành án tại phân trại 3, trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng, thuộc Tổng cục VIII - Bộ Công an. Trong quá trình từ khi anh K chấp hành án đến nay, chị H vẫn thường xuyên thăm nom, nhưng gần đây do bận công việc và xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên mâu thuẫn tình cảm vợ chồng trở nên trầm trọng. Do đó, chị Bùi Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Xuân K, để chị được ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H và anh K xác nhận trong quá trình chung sống có 02 con chung là Lương Thị H, sinh ngày 12/12/2008 và Lương Minh P, sinh ngày 14/12/2012. Trường hợp ly hôn, chị H đề nghị được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình sống chung chị và anh K không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 13 tháng 6 năm 2017, bị đơn anh Lương Xuân K trình bày:

Anh Lương Xuân K xác nhận điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là hoàn toàn chính xác. Anh K trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, không xảy ra tình trạng cãi vã nhau. Hiện tại anh K đang chấp hành án tại đội 7, phân trại 3, trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng thuộc Tổng cục VIII - Bộ Công an. Anh Lương Xuân K đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị H với điều kiện là anh K phải được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, trong phiên hòa giải tại trại giam X, anh Lương Xuân K thay đổi quan điểm không đồng ý ly hôn với chị H vì vẫn còn tình cảm, yêu thương vợ con.

Về con chung: Anh K xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Lương Thị H, sinh ngày 12/12/2008 và Lương Minh P, sinh ngày 14/12/2012. Trường hợp ly hôn, anh K có quan điểm để cho các cháu lựa chọn theo nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung: Anh K xác nhận quá trình chung sống anh K và chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh K trình bày: Do hiện tại anh đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện tham ra xét xử tại Tòa án, nên anh xin vắng mặt tại Tòa án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; nguyên

đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS và có quan điểm trình bày và xin vắng mặt tại phiên tòa, nên theo qui định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận, đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Lương Xuân K có quan điểm vắng mặt tại phiên tòa. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định của pháp luật.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị H và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận Q, thành phố Hải Phòng vào tháng 01/2008. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh K là hôn nhân hợp pháp.

Trong bản tự khai ngày 13/6/2017, anh K cũng đồng ý ly hôn với chị H trong trường hợp anh được nuôi 02 con chung, nhưng đến phiên hòa giải ngày 27/7/2017 anh K thay đổi quan điểm không đồng ý ly hôn với chị H vì lý do vẫn còn yêu thương vợ, con. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ, chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ, chồng bất đồng quan điểm về lối sống, sinh hoạt và cách cư xử. Ngoài ra, anh K vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại 3, trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng, thuộc Tổng cục VIII - Bộ Công an về tội giết người với mức hình phạt 10 năm tù.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị H và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, không còn khả năng khắc phục, nếu kéo dài tình trạng gia đình như hiện nay chỉ gây cản trở, khó khăn cho cuộc sống của mỗi người. Ngoài ra, bản thân anh K lúc đầu cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với chị H. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H với anh Lương Xuân K là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung: Chị H xác nhận quá trình vợ chồng chung sống có 02 con chung là Lương Thị H, sinh ngày 12/12/2008 và Lương Minh P, sinh ngày 14/12/2012. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và không có yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh K có quan điểm để cho các con chung lựa chọn sẽ sống với ai theo nguyện vọng của các con.

Tại phiên tòa chị H trình bày là người có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, bản thân gia đình bên ngoài cũng có điều kiện giúp chị trong việc chăm sóc con chung. Xét anh K có quan điểm xin nuôi con, nhưng hiện tại anh đang phải chấp hành án trong trại giam, việc nuôi con hiện nay do ông bà nội đang đảm nhận. Tại biên bản xác minh đối với gia đình bố mẹ anh K có quan điểm việc giao con cho ai chăm sóc nuôi dưỡng thì theo quy định của pháp luật. Xét nguyện vọng của cháu Lương Thị H có nguyện vọng xin được ở với ông bà nội. Tuy nhiên việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là thuộc quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ được quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cả 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật. Việc thay đổi nuôi con được xem xét khi anh K chấp hành xong bản án và có đơn khởi kiện đến Tòa án. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà anh không trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không được cản trở anh K thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh K theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh K xác nhận quá trình chung sống chị H và anh K không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó về tài sản chung, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Lương Xuân K.

[2] Về nuôi con chung: Xử giao con chung là Lương Thị H, sinh ngày 12/12/2008 và Lương Minh P, sinh ngày 14/12/2012 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H không có yêu cầu anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung mà anh không trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không được cản trở anh K thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh K cùng xác nhận trong quá trình chung sống chị H và anh K không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Bùi Thị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006469 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết, nhận được bản án, anh K có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đằng Hải;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Hoàng